

Số: /QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2026

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Công nghiệp hỗ trợ thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh và Sở Công Thương tỉnh Quảng Trị**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 179/QĐ-BCT ngày 26 tháng 01 năm 2026 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành và được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 32/TTr-SCT ngày 03 tháng 02 năm 2026 và đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 03 thủ tục hành chính (TTHC) mới ban hành và được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh và Sở Công Thương tỉnh Quảng Trị.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Sở Công Thương:

a) Tổ chức xây dựng và trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết TTHC, làm cơ sở để cập nhật, điều chỉnh trên Hệ thống thông tin giải

quyết TTHC tập trung của Bộ Công Thương, đảm bảo phù hợp với quy trình thực hiện tại địa phương.

Trường hợp các TTHC chưa được triển khai thực hiện trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tập trung của Bộ Công Thương thì tiếp tục tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt các quy trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến được công bố tại Quyết định này để thiết lập quy trình điện tử lên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.

b) Thực hiện giải quyết TTHC, niêm yết công khai, hướng dẫn, tổ chức tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC cho tổ chức, cá nhân theo đúng quy định.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm tổ chức thực hiện tiếp nhận và giải quyết TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính theo quy định.

3. Văn phòng UBND tỉnh đăng tải công khai TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC; hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện công khai TTHC tại các cơ quan, đơn vị có liên quan.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư số 65/2025/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP về phát triển công nghiệp hỗ trợ có hiệu lực.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm ĐHTT tỉnh;
- Lưu: VT, TDNV, HCC<sub>Hành</sub>.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Đức Tiến**

**Phụ lục**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH VÀ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG  
LĨNH VỰC CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND TỈNH  
VÀ SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH QUẢNG TRỊ**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)*

**1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành**

STT	Tên, mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính
1	Cấp điều chỉnh Giấy xác nhận ưu đãi thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh <b>1.014818.H50</b>	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không quy định	- Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Chính Phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ. - Thông tư số 65/2025/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thi hành chi tiết một số điều của Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát	Có

					<i>triển công nghiệp hỗ trợ.</i>	
2	Cấp lại Giấy xác nhận ưu đãi thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh <b>1.014820.H50</b>	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không quy định	- Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Chính Phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ. - <i>Thông tư số 65/2025/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thi hành chi tiết một số điều của Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ.</i>	Có

## 2. Danh mục TTHC được sửa đổi, bổ sung

STT	Tên, mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	TTHC thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính
1	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ	30 ngày kể từ ngày cơ quan có thẩm quyền nhận đầy đủ hồ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã	Không quy định	- Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày	Có

	<p>thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa <b>1.001158.H50</b></p>	<p>sơ hợp lệ. Trường hợp hồ sơ phức tạp, cần thêm thời gian để thẩm định, có thể gia hạn nhưng tối đa không quá 45 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</p>			<p>03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ.  - <i>Thông tư số 65/2025/TT-BCT ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thi hành chi tiết một số điều của Nghị định số 205/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2025 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ.</i></p>	
--	--	---	--	--	--	--